

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

(Giấy đăng ký kinh doanh số 1700572808 do: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
(Đăng ký niêm yết số: /ĐKNY do cấp ngày . . . tháng . . năm 20... .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Trụ sở Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Lầu 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

3. Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Số 09 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. HCM

4. Phụ trách công bố thông tin

Họ & Tên: Trịnh Hoàng Lâm

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: (077) 3751717

Fax: (077) 3750511

Email : xngachtuynel@vnn.vn.

Website : <http://www.tuynelkiengiang.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

(Giấy đăng ký kinh doanh số 1700572808 do: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu công ty cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá : 10.000 đồng.
Tổng số lượng niêm yết : 2.335.961 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết : 23.359.610.000 đồng (theo mệnh giá)

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**CÔNG TY TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A**

Trụ sở: 08 đường C1, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84 – 8) 6297 4639

Fax: (84 –8) 6297 4659

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:**◆ TRỤ SỞ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 5888

Fax: (84-4) 3944 5999

◆ CN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 3915 2930

Fax: (08) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Rủi ro đặc thù liên quan đến ngành, lĩnh vực hoạt động của Công ty	6
4. Rủi ro tài chính	6
5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán	6
6. Rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ chức niêm yết	7
2. Tổ chức tư vấn	7
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	12
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và Cơ cấu cổ đông của Công ty	13
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	14
6. Hoạt động kinh doanh	15
6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm	15
6.2. Nguyên vật liệu	17
6.3. Chi phí sản xuất và quản lý bán hàng	18
6.4. Trình độ công nghệ	19
6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	21
6.6. Hoạt động Marketing	21
6.7. Nhân hiệu thương mại	22
6.8. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới	23
6.9. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện	23
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 - 2009 và Quý I năm 2010	24
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty	24
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009	25
7.2.1. Những nhân tố thuận lợi	25
7.2.2. Những nhân tố khó khăn	25
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	26

8.1.	Triển vọng phát triển của ngành.....	26
8.2.	Vị thế của Công ty trong ngành	27
8.3.	Định hướng chiến lược phát triển của Công ty	29
9.	Chính sách đối với người lao động	30
10.	Chính sách cổ tức	32
11.	Tình hình hoạt động tài chính	33
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	33
11.2	Thu nhập bình quân của người lao động.....	33
11.3	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	33
11.4	Các khoản phải nộp theo luật định.....	34
11.5	Trích lập các quỹ.....	34
11.6	Tổng các khoản phải thu quá hạn.....	34
11.7	Tình hình công nợ hiện nay.....	34
11.8	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	37
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	38
13.	Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2009	45
13.1	Đất đai, nhà xưởng	45
13.2	Các mô nguyên liệu.....	45
13.3	Tài sản cố định của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2009.....	46
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong giai đoạn 2009-2012	46
15.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	48
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	49
1.	Tên chứng khoán	49
2.	Loại chứng khoán.....	49
3.	Mệnh giá.....	49
4.	Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	49
5.	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	49
6.	Phương pháp tính giá	50
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	50
8.	Các loại thuế có liên quan	51
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	51
1.	Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam - CN. HCM.....	51
2.	Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A	51
VII.	PHỤ LỤC	51

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, những năm trở lại đây Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2005 là 8,4%, năm 2006 đạt 8,2%; năm 2007 đạt 8,44%; năm 2008 đạt 6,2%. Trong năm 2009 tốc độ tăng trưởng của Việt Nam giảm xuống còn 5,23%, trong 6 tháng đầu năm Việt Nam phải đối mặt với tình trạng xuất khẩu giảm mạnh, giá cả hàng hóa trong nước gia tăng, lạm phát các tháng đầu năm cao, tuy nhiên 6 tháng cuối năm nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi đi vào ổn định, tốc độ tăng trưởng của Quý III, Quý IV năm 2009 tăng cao hơn so với năm 2008 lần lượt là 6,9% và 5,89%, tình hình xuất nhập khẩu cũng có những chuyển biến tích cực, kim ngạch xuất khẩu tăng 7,1% so với Quý IV năm 2008¹.

Cũng theo Tổng cục Thống kê, CPI cả nước năm 2009 chỉ tăng 6,88%. Đây là con số khả quan khi mà Chính phủ đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát năm 2009 dưới 7%. Theo đánh giá của IMF năm 2009 Việt Nam đã có những chính sách, biện pháp kịp thời và linh hoạt để đối phó với lạm phát,².

Nếu năm 2008, lãi suất cho vay liên tục biến động khó lường thì đến năm 2009 thị trường tiền tệ đã được duy trì được sự ổn định thể hiện ở chỗ Ngân hàng Nhà nước đã liên tục được duy trì lãi suất cơ bản ở mức 8%/năm, đây được xem là tín hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, khi mà lãi suất cho vay phụ thuộc và sự biến động của lãi suất cơ bản.

Là Công ty chuyên sản xuất gạch, ngói xây dựng nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát và biến động lãi suất của nền kinh tế. Các nhân tố này phát triển tích cực thì hoạt động của Công ty mới khả quan và ngược lại.

2. Rủi ro về luật pháp

Việc ban hành hay thay đổi về chính sách liên quan đến ngành kinh doanh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự sửa đổi hoặc ban hành những quy định mới trong hệ thống pháp luật của nhà nước cũng sẽ là cơ hội hoặc rủi ro đối với doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản. Trong thực tế hiện nay, chủ trương cấm xuất khẩu nguyên liệu thô là hợp lý, tuy nhiên những quy định từ cấp Trung ương đến địa phương để triển khai thực hiện vấn đề này còn chông chéo nên gây bất lợi cho doanh nghiệp, sự không minh bạch trong chính sách tạo ra đối xử không công bằng với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những thay đổi trong quy hoạch quốc gia hoặc địa phương cũng ảnh hưởng đến những khu vực mỏ đã được khoanh định cho định hướng phát triển lâu dài.

Hơn nữa do đã trở thành Công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan đến công ty đại chúng. Hiện nay, hệ

¹ Theo Tổng cục Thống kê

² Theo nhận định IMF về kinh tế Việt Nam 2009 và dự báo kinh tế năm 2010

thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt, và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp, từ đó giúp Công ty hạn chế được rủi ro này.

3. Rủi ro đặc thù liên quan đến ngành, lĩnh vực hoạt động của Công ty

3.1. *Rủi ro về nguyên nguyên liệu*

Là đơn vị có 98% sản phẩm công nghiệp sử dụng nguyên liệu là khoáng sản: đất sét do đó công tác khảo sát thăm dò, khoan định các khu vực mỏ nguyên liệu luôn được chú trọng. Trữ lượng mỏ hiện nay đảm bảo cho các nhà máy hoạt động trên 50 năm, tuy nhiên, việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu cho định hướng hoạt động của Công ty trong 50 năm sau đó sẽ tiềm ẩn những khó khăn nhất định do những nguồn nguyên liệu gần nhà máy sản xuất đã hết, nguồn nguyên liệu xa nhà máy sẽ dẫn đến chi phí sản xuất tăng, giảm tính cạnh tranh. Để đối phó với rủi ro này, Công ty sẽ triển khai kế hoạch tìm kiếm các vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất.

3.2. *Rủi ro trong lao động sản xuất*

Do hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, Công ty có thể sẽ gặp phải một số rủi ro xảy ra trong quá trình làm việc như tai nạn lao động làm thiệt hại phương tiện và con người. Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho phương tiện và người lao động của mình.

4. Rủi ro tài chính

Công ty thực hiện chính sách tín dụng bán hàng với các Đại lý và những khách hàng xây dựng công trình. Tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro cho doanh nghiệp khi thực hiện, do ảnh hưởng từ việc mất khả năng trả nợ của các đối tác, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính của bên cấp tín dụng. Công ty thực hiện cấp tín dụng cho các đối tác trên cơ sở lập hồ sơ về năng lực của đối tác căn cứ vào các yếu tố khảo sát về năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín để định hạn mức nên hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu thị trường và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế – chính trị – xã hội, yếu tố tâm lý của người đầu tư.... Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động.

Ngoài ra, việc thay đổi những quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, Công ty cũng có thể gặp các rủi ro xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán...), tai nạn (cháy, nổ...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của tổ chức phát hành, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Song các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

Ông: Lư Văn Cồn

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Lâm Duy Khánh

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Tùng Dương

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ông: Trịnh Hoàng Lâm

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM – Chi nhánh TP.HCM

Ông Võ Thiên Chương

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do **Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam** lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với **Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang**. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang** cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCKHN : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Công ty : Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- KBT : Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- VIS : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- VND : Việt Nam đồng
- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang.
- Tổ chức tư vấn : Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam.
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**
- Tên viết tắt : **KBT**
- Tên giao dịch đối ngoại : **KIEN GIANG BRICK TILE JOINT STOCK COMPANY.**
- Trụ sở: **Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.**
- Vốn điều lệ Công ty: **23.359.610.000 đồng (Hai mươi ba tỷ ba trăm năm mươi chín triệu sáu trăm mười ngàn đồng chẵn)**
- Giấy chứng nhận ĐKKD: **Số 1700572808 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010**
- Điện thoại: **(077) 3751717** Fax: **(077) 3750511**
- Logo:



- Email: **xngachtuynel@vnn.vn.**
- Website: **www.tuynelkiengiang.com.vn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang Tiền thân là Dự án Nhà máy Gạch Tuynel Kiên giang - được thành lập theo quyết định đầu tư số 2446/QĐ-UB ngày 27-09-2002 của UBND tỉnh Kiên Giang và trực thuộc Công ty Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – có công suất thiết kế 25 triệu viên/năm. Do Công Ty Xi măng Hà Tiên Kiên Giang thực hiện cổ phần hoá trong giai đoạn dự án đang xây dựng cơ bản nên được chuyển về trực thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang theo quyết định số 1861/QĐ-UB ngày 15/07/2004 của UBND tỉnh Kiên Giang và trở thành Xí Nghiệp Gạch Tuynel Kiên Giang.

Xí nghiệp Gạch Tuynel Kiên Giang được cổ phần hoá và trở thành Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên giang từ 01-04-2008 theo quyết định 619/QĐ-UBND ngày 14-03-2008 của UBND tỉnh Kiên Giang và quyết định đổi tên từ “Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Kiên Giang” thành “Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Kiên Giang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700572808 do: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập cho đến nay được giữ nguyên là 23.359.610.000 đồng (Hai mươi ba tỷ ba trăm năm mươi chín triệu sáu trăm mười ngàn đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700572808 do: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010, công ty được phép kinh doanh các ngành nghề sau:

- ✓ Khai thác cát, sỏi; khai thác đất sét;
- ✓ Sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất gốm sứ khác;
- ✓ Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- ✓ Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; cho thuê ô tô; cho thuê xe có động cơ khác.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc nghiên cứu thị trường, Công ty cũng tiến hành cải tiến, tạo ra sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng khách hàng. Hiện nay, sản phẩm Công ty đã được nhiều bạn hàng lớn trong ngành vật liệu xây dựng và xây dựng biết đến và sử dụng. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được sự khen thưởng của UBND Tỉnh Kiên Giang, Đảng Ủy khối doanh nghiệp:

- Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang khen tặng: Doanh nghiệp kinh doanh giỏi năm 2008 và 2009.
- Đảng Ủy khối doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang khen tặng: Chi bộ trong sạch – vững mạnh.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hiện tại, Công ty có 01 Trụ sở chính và 01 nhà máy (đặt tại Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang); 01 Văn phòng đại diện (Số 224 đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Bảo, TP.Rạch Giá - Kiên Giang).

Công ty có các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cơ cấu tổ chức phòng ban của Công ty như sau:

✓ Phòng Kinh doanh:

Bộ máy Công ty tổ chức theo hướng tinh gọn nên phòng Kinh doanh vừa tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh, vừa tổ chức cung ứng vật tư, nguyên liệu phục vụ công tác sản xuất Gạch Tuynel. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm phòng Kinh doanh nghiên cứu và đề xuất các chính sách khuyến mãi nhằm tác động vào sức mua của thị trường; nghiên cứu hình thức mẫu mã chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng; đề ra các chính sách để tiếp cận và chiếm lĩnh thị trường; tổ chức điều hành các phương tiện

vận tải, bốc xếp, kết hợp thuê ngoài các phương tiện vận chuyển nhằm kịp thời cung cấp sản phẩm, dịch vụ...

✓ **Phòng Tài chính – Tổ chức:**

Phòng Tài chính-Tổ chức có nhiệm vụ:

+ Tổ chức nhân sự, thực hiện việc nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu phát triển;

+ Đề xuất các chế độ, chính sách về nhân sự.

+ Thực hiện chức năng văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, đánh máy; quản lý kho vật tư và thành phẩm, mua sắm tài sản trang thiết bị khối văn phòng; công tác bảo vệ, an toàn, phòng chống cháy nổ; vệ sinh, y tế...và các nhiệm vụ khác về các thủ tục hành chính của Công ty.

+ Chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý, các giấy phép liên quan đến Công ty; cập nhật và phổ biến các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; dự báo các thay đổi về chính sách pháp luật có thể có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Xây dựng kế hoạch và theo dõi quản lý tình hình sử dụng nguồn vốn của Công ty; tham mưu, đề xuất các biện pháp phát triển nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn của Công ty; lập và phân tích báo cáo tài chính định kỳ quý và năm để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán, xây dựng các thủ tục hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ phục vụ cho công tác kế toán, thống kê của Công ty; lập kế hoạch kiểm toán định kỳ hàng năm trình Ban Giám đốc phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán đó; đánh giá mức độ tin cậy và tính toàn diện của các thông tin tài chính; thông qua công tác kiểm toán nội bộ, tham mưu cho Giám đốc về việc kiểm soát hiệu quả chi phí đối với các hoạt động...

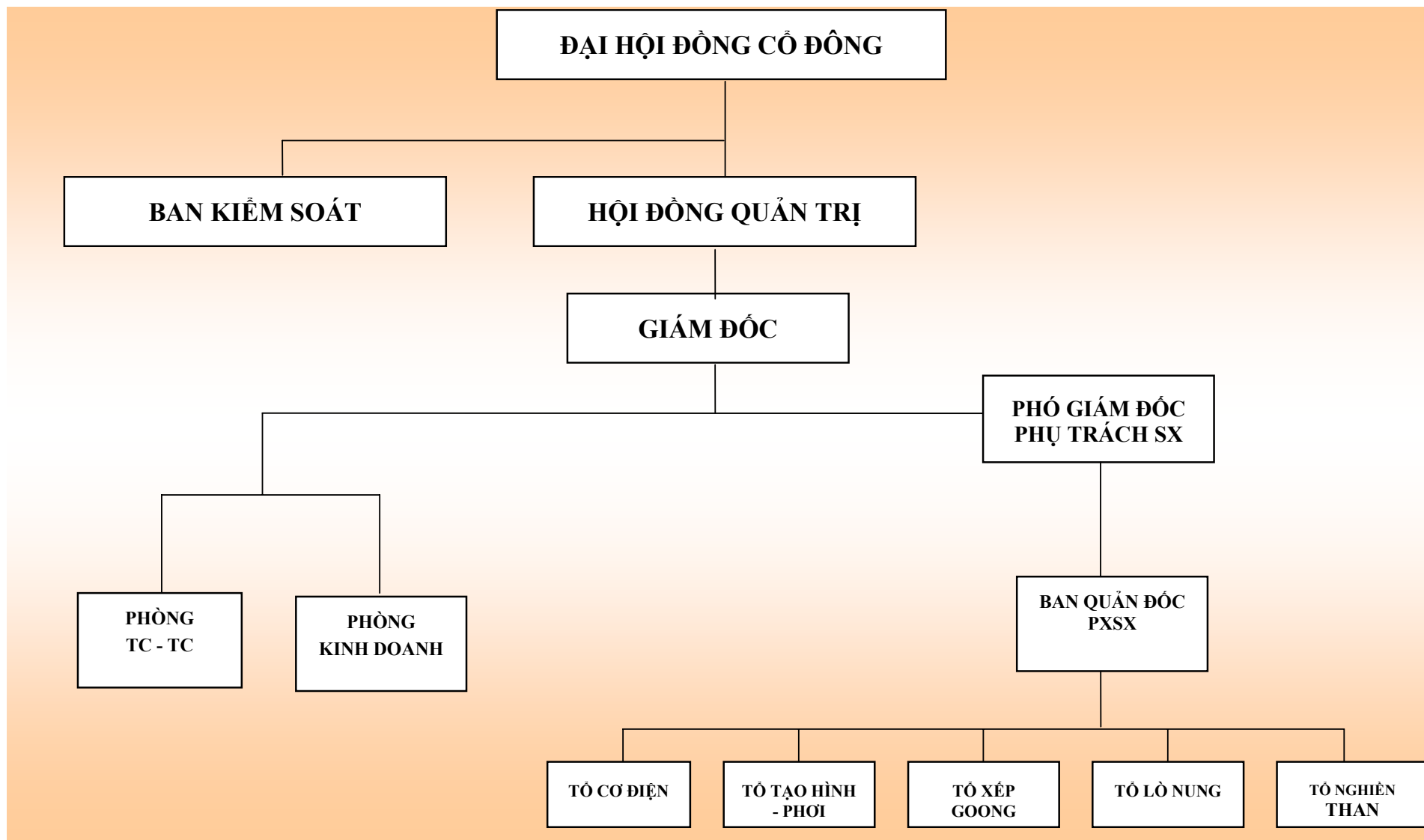
✓ **Ban quản đốc phân xưởng sản xuất:**

Chịu trách nhiệm điều hành sắp xếp tổ chức nhân sự cho phù hợp với hoạt động sản xuất của các tổ trực thuộc phân xưởng. Chỉ đạo các tổ trưởng sản xuất sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Các tổ trưởng sẽ chịu trách nhiệm trước Ban quản đốc về công việc được giao, chủng loại gạch sản xuất, chất lượng sản phẩm. Ngoài ra Ban quản đốc còn tham mưu và đề xuất các biện pháp cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và đạt hiệu quả cao trong sản xuất ; lập kế hoạch sửa chữa và bảo trì máy móc thiết bị nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất bền vững...

✓ **Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn:**

Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của toàn thể các cổ đông và người lao động được thực hiện theo đúng pháp luật.

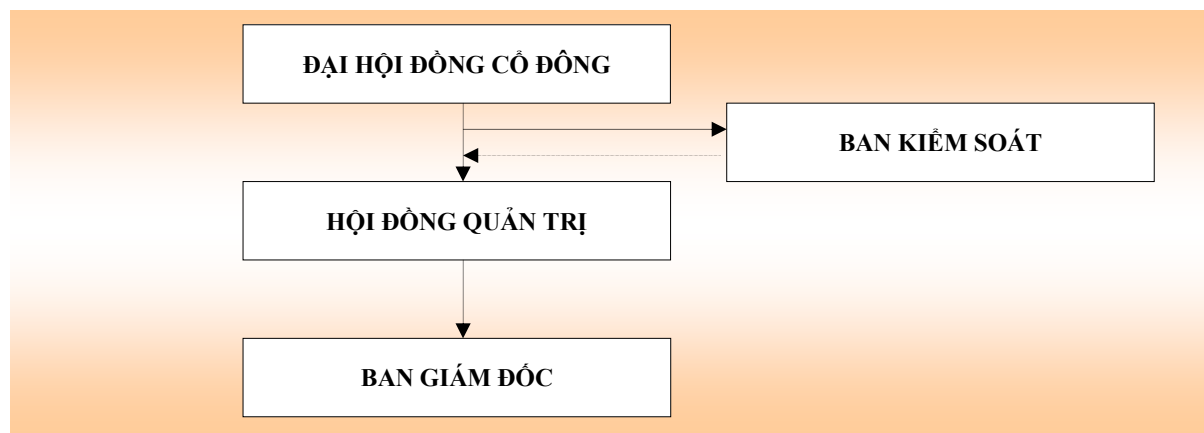
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Bộ máy quản lý của KBT được tổ chức một cách hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động của công ty ổn định và đảm bảo quyền lợi cho toàn bộ các cổ đông.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại Hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, bao gồm 05 người, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Danh sách Hội Đồng Quản Trị:

- Ông Lư Văn Còn : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lâm Duy Khánh : Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Lê Quang Tuấn : Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Hữu Khai : Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Văn Út : Thành viên Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát: Có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Danh sách Ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Tùng Dương : Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Chí Nghĩa : Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Trần Thanh Nguyên : Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc gồm 2 thành viên, 01 Giám đốc phụ trách chung và 01 Phó Giám đốc điều hành sản xuất do HĐQT bổ nhiệm, là cơ quan tổ chức điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc là Phó Giám đốc và các Trưởng phòng (do Giám đốc trực tiếp chỉ đạo). Căn cứ vào khả năng, yêu cầu quản lý, Giám đốc thực hiện uỷ quyền một số quyền hạn nhất định cho thành viên Ban Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn. Phó Giám đốc và các Trưởng phòng (do Giám đốc trực tiếp tiếp chỉ đạo) chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Danh sách Ban Giám đốc:

- Ông Lâm Duy Khánh : Giám đốc
- Ông Phạm Văn Hải : Phó Giám đốc

Ngoài ra Công ty còn có Quản đốc, phòng ban và các Tổ thực hiện các công việc chuyên môn, sản xuất.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và Cơ cấu cổ đông của Công ty

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập theo GCNĐKKD thay đổi lần 1 cấp ngày 20/05/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/Vốn CP hiện tại
01	Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	501-Mạch Cửu, P.Vĩnh Quang-TP Rạch Giá-tỉnh Kiên Giang	964.461	9.644.610.000	41,29%
02	Lê Quang Tuấn	366/7A-Chu Văn An-P.12-Q.Bình Thạnh-TP.HCM	150.000	1.500.000.000	6,42%
03	Nguyễn Chí Nghĩa	630-Mạc Cửu-P.Vĩnh Quang-TP Rạch Giá-tỉnh Kiên Giang	22.000	220.000.000	0,94%
Tổng cộng			1.136.461	11.364.610.000	48,65%

Nguồn: KBT

Theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập sẽ bị bãi bỏ. KBT được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/04/2008.

Do vậy sau ngày 01/04/2011, các cổ đông sáng lập có quyền chuyển nhượng tự do số cổ phần phổ thông do mình sở hữu.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/05/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn CP hiện tại
1	Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	501-Mạch cừu, P.Vĩnh Quang-TP Rạch Giá-tỉnh Kiên Giang	964.461	41,29%
1.1	Đại diện: Ông Lư Văn Cồn	Căn 6 lô 11 Khu Hoa Biển - RG – KG	700.788	30%
1.2	Đại diện: Ông Lâm Duy Khánh	39 Lạc Long Quân RG – KG	146.875	6,29%
1.3	Đại diện: Ông Nguyễn Văn Út	70 F9 Đường 3/2 ; phường Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá	116.798	5%
2	Lê Quang Tuấn	366/7A-Chu Văn An-P.12-Q.Bình Thạnh-TP.HCM	150.000	6,42%
Tổng cộng			1.114.461	47,71%

Nguồn: CTCP Gạch Gỏi Kiên Giang

4.3. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/05/2010

TT	Cổ đông	Số lượng (người hoặc tổ chức)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị sở hữu (VND)	Tỷ lệ sở hữu
I	Trong nước	153	2.335.961	23.359.610.000	100%
1	Tổ chức	04	1.064.461	10.644.610.000	45,57%
2	Cá nhân	149	1.271.500	12.715.000.000	54,43%
II	Nước ngoài	0	0	0	0%
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0	0%
	Tổng cộng	153	2.335.961	23.359.610.000	100%

Nguồn: CTCP Gạch Gỏi Kiên Giang

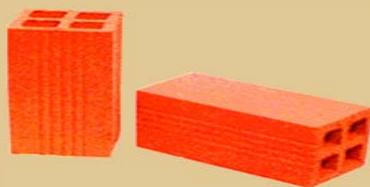
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Đến thời điểm niêm yết, Công ty không có công ty con và không bị chi phối bởi công ty khác.

6. Hoạt động kinh doanh**6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm**

Công ty tập trung sản xuất và cung ứng sản phẩm chính là gạch xây dựng với các loại như sau:

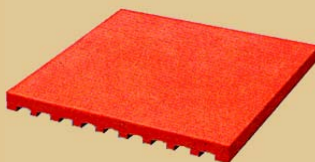
Loại	Quy Cách	Trọng lượng
GO17	170*70*70	1Kg/viên
GO18	180*80*80	1,25Kg/viên
GO19	190*90*90	1,5Kg/viên
GT17	170*70*35	0,8Kg/viên
GT18	180*80*40	1,05Kg/viên
GT19	190*90*45	1,35Kg/viên
Gạch 3 lỗ	190*90*90	2,5Kg/viên

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU**GẠCH ỐNG**

Mã số	Trọng lượng	Kích thước (mm)			Số viên/m ²
	(Kg/viên)	Dài	Rộng	Cao	
(GO19)	1,50	190	90	90	50
(GO18)	1,20	180	80	80	59
(GO17)	1,00	170	70	70	70

**GẠCH THẺ**

Mã số	Trọng lượng	Kích thước (mm)			Số viên/m ²
	(Kg/viên)	Dài	Rộng	Cao	
(GT19)	1,35	190	90	45	91
(GT18)	1,05	180	80	40	105
(GT17)	0,8	170	70	35	123

GẠCH LÁT

- Trọng lượng: 3,35kg
- Kích thước: 300x300x25
- Số viên/m²: 11

GẠCH CẢN TƯỜNG

- Trọng lượng: 0,3kg
- Kích thước: 200x50x19
- Số viên /m²: 100

Năm 2005, Xí nghiệp bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, là đơn vị đầu tiên và duy nhất cho đến thời điểm hiện nay sản xuất gạch xây dựng bằng công nghệ Tuynel hiện đại:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU

Khoản mục	Đơn vị	2007	2008		2009		Quý I/2010
			Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	
Sản xuất	viên	28.025.000	30.017.000	7,10%	30.265.111	0,83%	9.436.000
Tiêu thụ	viên	28.029.000	22.438.000	-19,94%	36.555.962	62,92%	8.450.000
Doanh thu	Tr.đồng	10.381	17.152	65,22%	25.484	48,57%	5.925
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	169,8	4.794	2722,2%	6.444	34,41%	1.164

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

Năm 2007, do xác định dự án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mới đi vào hoạt động nên Ban giám đốc Xí nghiệp chỉ xây dựng Kế hoạch lãi 20 triệu đồng. Tuy nhiên với sự năng động và nỗ lực tối đa của mình trong chiến lược xây dựng uy tín và thương hiệu Gạch Tuynel, đa dạng hóa sản phẩm để giành lấy thị phần, kết quả đạt được năm 2007 thu về lợi nhuận 226,498 triệu đồng, cao gấp 11,3 lần so với kế hoạch.

CHI TIẾT DOANH THU THEO SẢN PHẨM

Đơn vị tính: đồng

Sản Phẩm	2008	2009		Quý I/2010
		Giá trị	Tăng trưởng	
Gạch Đơmi	36.238.182	34.395.480	-5,08%	36.238.182
Gạch ống	11.498.322.992	16.254.653.896	41,37%	11.498.322.992
Gạch thẻ	4.832.689.576	8.224.973.893	70,19%	4.832.689.576
Dịch vụ vận chuyển	776.609.230	970.315.294	24,94%	776.609.230
Tổng cộng	17.143.859.980	25.484.338.563	48,65%	17.143.859.980

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

CHI TIẾT LÃI GỘP THEO SẢN PHẨM

Đơn vị tính: đồng

Sản Phẩm	2008	2009		Quý I/2010
		Giá trị	Tăng trưởng	
Gạch Đomi	16.647.485	13.982.788	-16,01%	2.825.666
Gạch ống	4.940.116.421	6.150.462.230	24,50%	1.009.973.810
Gạch thẻ	2.621.536.994	3.089.050.823	17,83%	936.694.751
Dịch vụ vận chuyển	776.609.230	970.315.294	24,94%	242.876.360
Tổng cộng	8.354.910.130	10.223.811.135	22,37%	2.192.370.587

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ gạch ống và gạch thẻ các loại, chiếm tỷ trọng khá lớn, trên 98% trên tổng doanh thu cũng như lợi nhuận của KBT.

6.2. Nguyên vật liệu

Với các sản phẩm mà Công ty tập trung sản xuất và cung cấp cho thị trường, nguồn nguyên vật liệu chủ yếu là đất sét và than cám.

DANH SÁCH CÁC NHÀ CUNG CẤP CHỦ YẾU

TT	Nhà cung cấp	Nguyên liệu cung cấp
1	Xí nghiệp Chế Biến Kinh Doanh Than Khoáng Sản	Than cám
2	Công ty TNHH Một Thành Viên Thanh Tuấn	Than cám
3	Doanh nghiệp tư nhân Kiến Hưng	Than cám
4	Công ty TNHH TM – DV Tuấn Linh	Than cám
5	Công ty TNHH Vận Tải Nam Việt Thuận	Than cám
6	Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Phương	Đất sét, xăng dầu

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

- Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là đất sét và than cám.

Về đất sét, Công ty có mỏ sét trầm tích, trữ lượng dồi dào với diện tích mỏ khai thác là 55 hécta, thời gian khai thác 50 năm vì vậy nguồn nguyên liệu này được đánh giá là lợi thế thương mại rất mạnh của công ty.

Than cám được bán rộng rãi trên thị trường, có nhiều đối tác chào bán với giá cạnh tranh.

Công ty luôn có kế hoạch ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả năng cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất. Để Công ty có thể chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường.

Tóm lại, nguồn cung cấp nguyên liệu cho sản xuất của Công ty rất ổn định, đảm bảo chất lượng và giá thành sản phẩm của Công ty có tính ổn định cao.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Chi phí nguyên vật liệu chiếm từ 50 đến 55% trong giá thành sản xuất của Công ty. Trong đó chi phí đất sét chiếm 73%, than cám chiếm 25% còn lại 2% là chất phụ gia. Do đó những biến động của giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

🚧 Đất Sét :

Với việc chủ động được nguồn đất sét, Công ty đã hạn chế tối đa được những biến động của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận.

🚧 Than Cám :

Giá bán than cám có sự điều tiết của ngành than và chính phủ, do đó giá nguyên vật liệu này tương đối ổn định do đó tác động của giá than không ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Tóm lại, biến động của giá nguyên vật liệu có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty như việc tăng giá nhiên liệu (Xăng, dầu, than, điện) sẽ làm tăng chi phí sản xuất tương ứng qua đó sẽ làm giảm lợi nhuận nếu giá bán của Công ty không thể tăng hoặc tăng thấp hơn tỷ lệ tăng giá nhiên liệu.

6.3. Chi phí sản xuất và quản lý bán hàng

Nhìn chung, chi phí sản xuất của Công ty có khả năng cạnh tranh với các Công ty sản xuất gạch ngói sử dụng lò Tuynel ở khu vực Tây Nam Bộ.

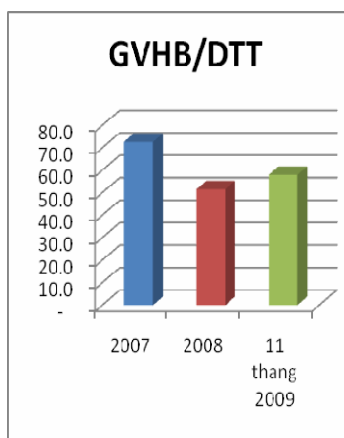
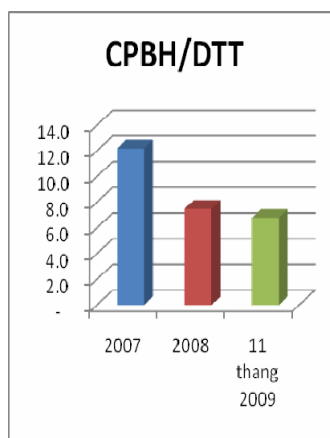
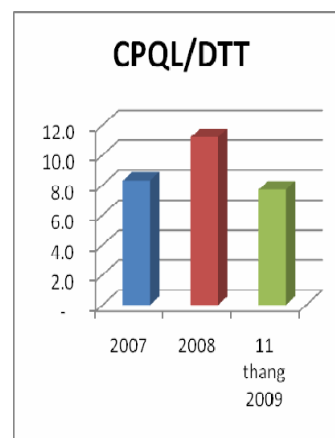
Chi phí sản xuất (2008 – Q1/2010)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	2008				Năm 2009			Q1/2010	
	Quý I/2008	3 Quý sau 2008	Cả năm	%/DTT (%)	Giá trị	Tăng trưởng	%/DTT (%)	Giá trị	%/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	2.968	5.860	8.828	51,47	15.260	72,86%	59,88	3.732	62,98
Chi phí bán hàng	342	949	1.291	7,52	1.735	34,39%	6,80	400	6,75
Chi phí QLDN	430	1.498	1.928	11,24	2.196	13,90%	8,61	560	9,45
Chi phí tài chính	148	387	535	3,11	370	-30,84%	1,45	82	1,38
Tổng cộng	3.888	8.694	12.582		19.561	55,47%		4.774	

Nguồn: BCTC Quý I/2008, Q1/2010, BCTC kiểm toán từ 01/04 – 31/12/2008, 2009 của KBT

Ghi chú: Công ty bắt đầu chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP từ 01/04/2008.

Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần**Tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu thuần****Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần**

Ghi chú: Từ ngày 01/04/2008 trở đi, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, kết quả kinh doanh giai đoạn 01/04/2008 đến 31/12/2008 thuộc về Công ty Cổ phần.

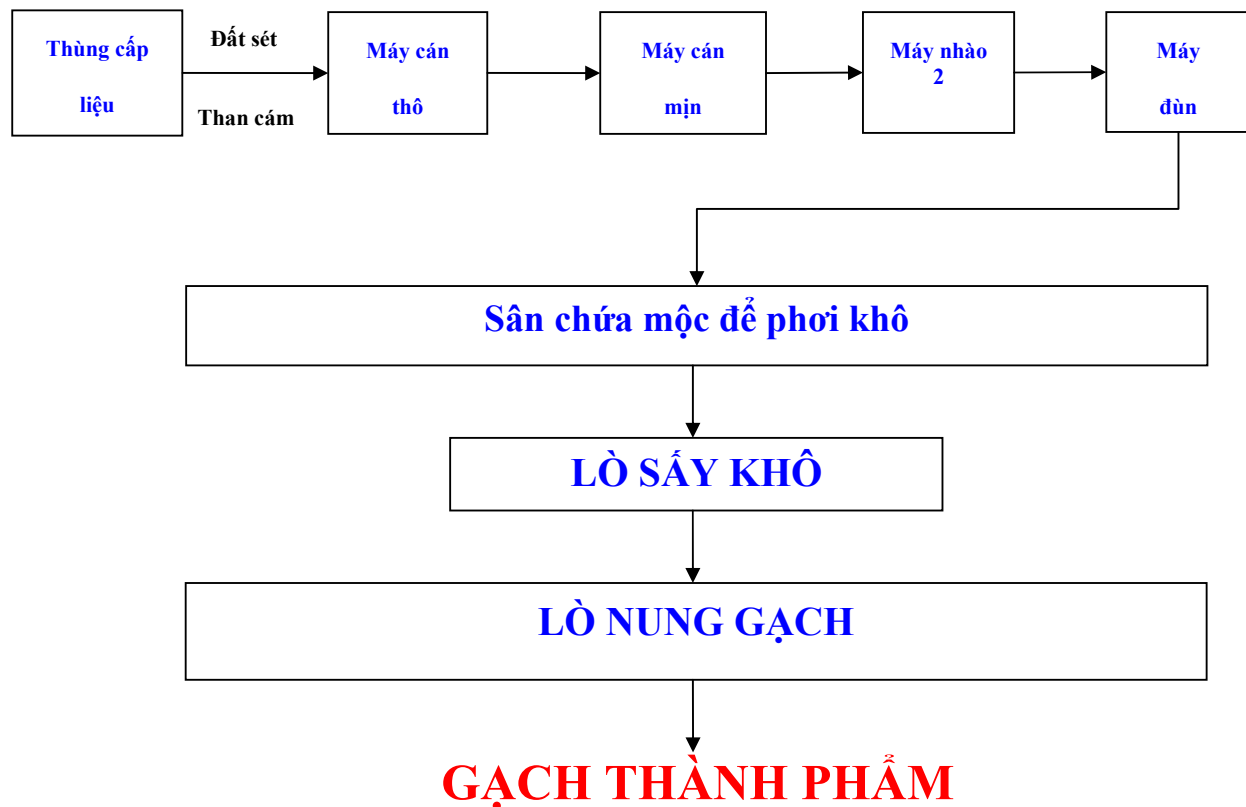
Công ty rất chú trọng công tác quản lý chi phí, vì vậy tỷ lệ các khoản mục giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý trên doanh thu thuần không ngừng giảm qua các năm và năm 2009 tổng chi phí của Công ty chiếm khoảng 75,34% trên doanh thu thuần.

6.4. Trình độ công nghệ

a. Quy trình sản xuất

Gạch ngói nung là sản phẩm từ đất sét, để tạo ra được thành phẩm phải trải qua nhiều khâu gồm các bước sau:

- ✓ Đất sét sau khi ngâm ủ theo đúng thời gian quy định từ trại chứa được xúc đổ vào thùng tiếp liệu để đưa vào công đoạn sơ chế. Công đoạn sơ chế lần lượt gồm: Tiếp liệu —> Tách đá —> Nghiền thô —> Nghiền tinh.
- ✓ Sau khi sơ chế nguyên liệu đất sét được đưa vào máy nhào trộn 2 trục để trộn với than cám đá nhằm đạt độ dẻo cần thiết để đưa qua máy đùn hút chân không đưa nguyên liệu vào khuôn để tạo ra sản phẩm gạch mộc (gạch chưa nung).
- ✓ Sản phẩm gạch mộc sau khi có hình dáng chuẩn được vận chuyển lên trại phơi để phơi tự nhiên hoặc sấy phòng trong trường hợp cần thiết cho đến khi sản phẩm đạt độ khô thích hợp.
- ✓ Xếp phơi sản phẩm gạch mộc lên xe goòng (đối với lò nung tuynel) xông – sấy trong lò nung trong một khoản thời gian nhất định, sau đó chuyển sang lò nung để nung ở nhiệt độ khoảng 900 độ C, sau đó sản phẩm được làm nguội ngay trong lò cho ra thành phẩm.
- ✓ Sản phẩm sau khi nung được đưa ra lò, phân loại và vận chuyển vào bãi chứa thành phẩm.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SẢN XUẤT**b. Trình độ công nghệ**

Lợi thế của công ty về mặt công nghệ là sở hữu và làm chủ được công nghệ tuynel tiên tiến và hiện đại nhất hiện nay. Thiết bị chế biến tạo hình là thiết bị nhập khẩu từ Hàn quốc; hệ thống lò nung - sấy được thiết kế và xây dựng bởi các nhà thầu hàng đầu tại Việt Nam. Công nhân tổ lò nung đa số được đào tạo khóa sản xuất gạch ngói và có kinh nghiệm thực tế gần 5 năm trong nghề vì vậy chất lượng sản phẩm luôn ổn định đáp ứng theo yêu cầu thị trường.

Về cơ khí sửa chữa: do đầu tư đồng vốn lớn nhưng nhu cầu sử dụng không thường xuyên nên KBT thực hiện thuê ngoài gia công chế tạo đối với các chi tiết khá phức tạp, thiết bị tương đối lớn.

Chi tiết một số dây chuyền, máy móc thiết bị chính như sau:

Dây chuyền, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Năm chế tạo	Công suất thiết kế
Hệ thống thiết bị chế biến tạo hình gạch mộc	01	Hàn Quốc	2004	30 triệu viên/năm
Hệ thống lò nung - sấy Tuynel	01	Việt Nam	2004	30 triệu viên/năm

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Quản lý chất lượng sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng trong khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Hiện nay Công ty đang triển khai thiết lập hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Công ty.

Công ty quản lý chất lượng theo hướng chọn lọc nguyên liệu đầu vào (Than, Sét) phải đảm bảo theo tiêu chuẩn qui định, tuân thủ nghiêm ngặt các qui trình sản xuất từ khâu: cuốc sỏi đất tơi xấp nhằm dễ bị phong hóa; tơi nước ngâm ủ đất đúng qui định về thời gian; tuyển chọn Gạch mộc (chưa nung) đảm bảo độ khô cứng, kích cỡ, hình dạng đạt yêu cầu, giữ ổn định và đảm bảo đúng nhiệt lượng khi nung sản phẩm...

Công ty thực hiện kiểm soát chi phí bằng việc xây dựng định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, năng lượng, nhân công cho từng loại sản phẩm. Với kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm sản xuất gạch ngói, có đội ngũ công nhân lành nghề, quá trình sản xuất được lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và quản lý một cách chắc chắn và đồng bộ nên Công ty luôn có tỷ lệ sản phẩm đạt loại A duy trì ở mức trên 96%, sản phẩm đạt loại B và C dưới 04%.

6.6. Hoạt động Marketing**a. Hoạt động tiếp thị theo từng loại sản phẩm**

- ✓ Đối với sản phẩm tiêu thụ nội tỉnh, hoạt động marketing sẽ do bộ phận tiếp thị của Công ty trực tiếp thực hiện.
- ✓ Đối với các sản phẩm có thị trường tiêu thụ trên phạm vi cả nước và xuất khẩu, bộ phận tiếp thị của Công ty phối hợp với bộ phận chuyên trách Marketing Công ty thực hiện.

b. Chính sách hoạt động tiếp thị

- ✓ Đối với sản phẩm đã chiếm lĩnh được thị trường như gạch xây: theo dõi thường xuyên diễn biến thị trường, đối thủ cạnh tranh, thị hiếu để có những chiến lược kịp thời về giá cả, sản phẩm, xúc tiến và khuyến khích nhằm giữ vững và phát triển thị phần.
- ✓ Các sản phẩm bước đầu thâm nhập: KBT từng bước tiếp cận thị trường, tích cực công tác giới thiệu, quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng, đồng thời nghiên cứu nhu cầu sử dụng, đối thủ cạnh tranh để từ đó không ngừng cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm đáp ứng nhu cầu, đưa ra chính sách giá, hệ thống phân phối phù hợp.
- ✓ Định kỳ phân tích, đánh giá lại thị trường để có quyết định phù hợp trong chính sách giá, chiết khấu thương mại, chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng. Tham gia các hoạt động nhằm mục đích quảng bá thương hiệu, hội chợ chuyên ngành như : Hội chợ công thương - nông nghiệp ‘Bông lúa vàng Việt Nam’ – Kiên Giang Expo 2009, tại công viên văn hoá An Hoà – Tp.Rạch giá – T.Kiên Giang – từ ngày 07/01 đến 13/01/2009; thực hiện công tác tuyên truyền giới thiệu thông qua các phóng sự,

brochure, tờ bướm, panel quảng cáo để cung cấp hình ảnh và hoạt động của Công ty; định kỳ tổ chức hội nghị khách hàng.

c. Chiến lược sản phẩm:

- ✓ Chất lượng: Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 1450: 1998 và TCVN 1451: 1998. Duy trì và phát huy sản phẩm chất lượng cao đã được khách hàng đánh giá và ưa chuộng trong thời gian qua.
- ✓ Nhân hiệu: Gạch Tuynel Kiên Giang.
- ✓ Đa dạng hoá sản phẩm theo kích cỡ phù hợp với từng phân khúc thị trường, tuy nhiên loại gạch kích cỡ chuẩn (80x80x180) vẫn là chủ đạo.

d. Thị trường tiêu thụ:

- ✓ Xác định hai phân khúc thị trường: nhóm các khu công nghiệp, công trình công nghiệp và nhóm các công trình dân dụng.
- ✓ Thị trường mục tiêu: Các khu đô thị mới, khu công nghiệp trong Tỉnh và các Tỉnh lân cận, đặc biệt là thị trường Phú Quốc, ngoài ra là thị trường Cam-Pu-Chia.

e. Chiến lược khách hàng:

- ✓ Duy trì và giữ mối quan hệ tốt với khách hàng nhất là các đại lý phân phối truyền thống, các chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đồng thời mở rộng thêm các địa bàn trong Tỉnh.
- ✓ Kết hợp các chính sách chăm sóc khách hàng và duy trì chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý để giữ khách hàng.
- ✓ Xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng dựa trên nền tảng kinh doanh hai bên cùng có lợi.
- ✓ Đầu tư thêm phương tiện vận tải cung cấp nhanh chóng, tận nơi theo yêu cầu của khách hàng.

f. Giá cả:

- ✓ Áp dụng giá bán cạnh tranh, giá linh hoạt đối với các sản phẩm thứ yếu (gạch 70 và 75) tùy theo thị trường.
- ✓ Giữ ổn định giá đối với sản phẩm chính đảm bảo mục tiêu lợi nhuận, sử dụng các chính sách khuyến mãi, chiết khấu thương mại để kích thích tiêu thụ, đảm bảo cạnh tranh và giữ thị phần.

6.7. Nhân hiệu thương mại

Hiện tại, KBT đang gấp rút hoàn thiện hồ sơ đăng ký thương hiệu độc quyền.

6.8. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành cộng với máy móc thiết bị hiện đại, đồng thời với việc lựa chọn nguồn nguyên liệu tốt nên chất lượng sản phẩm gạch ngói của Công ty trong thời gian vừa qua được khách hàng đánh giá rất cao và là thương hiệu có uy tín trên thị trường, đặc biệt là thị trường Miền Tây Nam Bộ. Do vậy, sản phẩm truyền thống như gạch xây dựng vẫn được Công ty ưu tiên đầu tư phát triển.

Nền kinh tế càng phát triển, xu hướng hội nhập ngày càng tăng thì yêu cầu về chất lượng và kiểu dáng thẩm mỹ của sản phẩm ngày càng trở nên quan trọng, vì vậy bên cạnh việc quan tâm đến chất lượng sản phẩm, KBT luôn chú trọng đến chiến lược đa dạng hóa sản phẩm. Khi có yêu cầu về loại sản phẩm mới, bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm nghiên cứu chế tạo khuôn mẫu đáp ứng yêu cầu sản xuất theo mẫu thiết kế, ngoài ra kích thước sản phẩm sản xuất luôn được quan tâm thay đổi phù hợp với từng đơn đặt hàng.

Để đáp ứng nhu cầu gạch ngói ngày càng cao và để tận dụng hết nguồn lực vốn có của mình, Công ty có kế hoạch đầu tư trong năm 2010 nhằm cải tạo nâng công suất nhà máy từ 30 triệu viên/năm lên 40 triệu viên/năm, tiếp sau đó Công ty sẽ đầu tư mới thêm 1 dây chuyền sản xuất nâng công suất lên 60 triệu viên/năm.

6.9. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

STT	Đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
01	Cty TNHH Phát Triển Nhà Kiên Giang	Gạch các loại	2.310	2009
02	Cửa Hàng VLXD Đức Lương	Gạch các loại	1.036	2009
03	Cty Cổ Phần Trung Chương	Gạch các loại	972	2009
04	Cty CP Xây Lắp và Vật Tư Xây Dựng 4	Gạch các loại	891	2009
05	Cty TNHH Trường Phát	Gạch các loại	770	2009
06	Cửa Hàng VLXD Sanh Hưng	Gạch các loại	722	2009
07	Cty TNHH Đức Hạnh	Gạch các loại	699	2009
08	Cửa Hàng VLXD Trần Lúi	Gạch các loại	640	2009
09	DNTN Đức Mạnh	Gạch các loại	616	2009
10	Cty TNHH Lập Phát	Gạch các loại	616	2009
11	Cty TNHH Hiệp Thoại	Gạch các loại	500	2009
12	DNTN Hoàng Thành	Gạch các loại	462	2009
13	Cty TNHH Năm Thành	Gạch các loại	423	2009
14	Cty TNHH Trang Trí	Gạch các loại	386	2009
15	Cty TNHH Bình An	Gạch các loại	385	2009
16	Cty TNHH Một Năm Chín	Gạch các loại	369	2009

STT	Đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
17	Cty TNHH Thái Dương	Gạch các loại	366	2009
18	Cty TNHH Phụng Minh Hùng	Gạch các loại	361	2009
19	Cửa Hàng VLXD Hưng Phát	Gạch các loại	329	2009
20	Chi Nhánh Cty TNHH Ba Lan	Gạch các loại	310	2009
21	DNTN Vĩnh Hưng	Gạch các loại	308	2009
22	Đội Xây Dựng Cty Đầu Tư Và Xây Dựng Kiên Giang.	Gạch các loại	808	2009
23	DNTN Kiến Hưng	Gạch các loại	1.000	2010
24	Cty TNHH PT Nhà Kiên Giang	Gạch các loại	7.000	2010
25	Cty TNHH Trường Phát	Gạch các loại	1.500	2010
26	DNTN Đức Mạnh	Gạch các loại	1.200	2010
27	DNTN Châu Đức Lương	Gạch các loại	1.500	2010
28	Cty CP Trang Trí	Gạch các loại	1.000	2010
29	CH VLXD Sanh Hưng	Gạch các loại	1.000	2010
30	Cty TNHH Đức Hạnh	Gạch các loại	800	2010

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 - 2009 và Quý I năm 2010

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010
	Quý I	3 quý cuối của năm	Giá trị	% tăng 2008	
Tổng giá trị tài sản	35.919	35.307	36.270	2,73	37.063
Doanh thu thuần	4.733	12.418	25.484	48,58	5.925
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	907	4.038	5.958	28,55	1.163
Lợi nhuận khác	62	28	509	7,8	0
Lợi nhuận trước thuế	970	4.066	6.468	28,18	1.163
Lợi nhuận sau thuế	727	4.066	6.444	34,67	1.163
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		58,49%	71,26%	12,77%	0

Nguồn: BCTC Quý I/2008, QI/2010, BCTC kiểm toán từ 01/04 – 31/12/2008, 2009 của KBT

Ghi chú: Từ ngày 01/04/2008 trở đi, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

Nhìn chung doanh thu thuần năm sau đều tăng trưởng cao hơn năm trước. Doanh thu thuần năm 2008 đạt 17.151 triệu đồng, tăng 65,2% so với năm 2007. Doanh thu năm 2009 đạt 25.484 triệu đồng, hoàn thành 128,2% kế hoạch đề ra.

Về lợi nhuận sau thuế năm 2008 so với 2007 tăng 28,4 lần là do năm 2008 Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, vì vậy việc quản lý chi phí của Công ty rất chặt chẽ, bộ máy quản trị dần kiện toàn.

Năm 2009, nhận thấy thị trường tiêu thụ gạch của Công ty là rất lớn, Ban điều hành cùng Hội đồng quản trị Công ty đã lập kế hoạch đầu tư cải tạo nâng công suất dây chuyền sản xuất gạch từ 25 triệu viên lên 40 triệu viên/năm, việc đầu tư này sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng. Với sự nhìn nhận thị trường một cách hợp lý như trên nên lợi nhuận sau thuế năm 2009 Công ty đã đạt 6.444 triệu đồng, đạt 175% kế hoạch cả năm 2009 và tăng 34, 67% so với năm 2008.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009

7.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Trong năm 2008 giá gạch xây dựng tăng mạnh khoản 70%, gạch ngói tăng khoảng 40% so với năm 2007 giúp cho tình hình sản xuất của Công ty có sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và lợi nhuận. Trong năm 2009 giá gạch xây dựng giảm nhẹ khoảng 6% so với năm 2008, trong khi giá gạch ngói vẫn duy trì như cũ trong khi chi phí đầu vào ổn định. Do đó, tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2009 cũng rất khả quan.
- Vị trí công ty đặt gần nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng nguồn nguyên liệu tốt và luôn luôn ổn định, điều này giúp công ty không bị động trong vấn đề thu mua nguyên liệu đất sét dùng cho sản xuất, dự kiến nguồn nguyên liệu có thể phục vụ cho sản xuất của Công ty trong 50 năm.
- Ban Lãnh đạo Công ty là lực lượng trẻ, năng động, nhạy bén đã cùng đội ngũ công nhân kỹ thuật tìm tòi và ứng dụng các cải tiến rất có giá trị, giúp công ty tiết kiệm chi phí hàng tỷ đồng mỗi năm.
- Công ty có mạng lưới tiêu thụ rộng khắp, sản phẩm sản xuất ra bao nhiêu tiêu thụ hết bấy nhiêu đây là một thuận lợi rất lớn giúp công ty luôn luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra..

7.2.2. Những nhân tố khó khăn

- Sự xuất hiện rất nhiều nhà máy sản xuất gạch Tuynel trong cùng một khu vực Kiên Giang, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu cùng một thị trường là các tỉnh Miền Nam khiến mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng trở nên quyết liệt. Đây là một áp lực lớn đối với Ban lãnh đạo công ty.

- Thói quen sử dụng gạch thủ công từ xưa đến nay của đa số người tiêu dùng và giá thành sản xuất gạch thủ công khá rẻ so với gạch Tuynel đã làm Công ty gặp không ít khó khăn trong kinh doanh, mở rộng thị trường.
- Trong thời gian gần đây giá dầu thô liên tục tăng cao đã ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng không là một ngoại lệ. Sự điều chỉnh này làm ảnh hưởng tới các ngành trong nền kinh tế dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ảnh hưởng, trong đó hoạt động khai thác mỏ sét cần đến nhiên liệu dầu, nguyên liệu Than cũng bị ảnh hưởng về giá trong khai thác tại mỏ và vận chuyển vào tận Miền nam; hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty cũng đóng vai trò quan trọng trong công tác tiêu thụ, khi giá dầu tăng ảnh hưởng đến giá cước vận chuyển tăng tác động đến sức mua, trong khi đó doanh nghiệp không dễ dàng nâng cước phí vận chuyển.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Triển vọng phát triển của ngành

Theo quyết định số 18/2009/QĐ-TTg ban hành ngày 03 tháng 02 năm 2009 về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Phát triển Kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vĩnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020, Cà Mau và Kiên Giang là 2 tỉnh trọng điểm, bao gồm 2 thành phố là Cà Mau, Rạch Giá và 13 huyện, thị ven biển (thị xã Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất, Phú Quốc...) Theo đó, đặt biệt chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

Cũng theo Quyết định trên, dự báo nhu cầu vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đến năm 2020 là 550 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn đầu (năm 2009-2010) là 70 nghìn tỷ đồng, giai đoạn năm 2011 – 2020 là 480 nghìn tỷ đồng.

Bên cạnh đó, theo Quyết định số 115/2001/QĐ-TTg ngày 01 tháng 08 năm 2001 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2010:

- ✓ Tổ chức lại sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng thủ công ở các địa phương, đặt biệt là các lò gạch thủ công không theo quy hoạch gây ô nhiễm môi trường tại các vùng ven đô thị, thành phố, thị xã, thị trấn. Từng bước phát triển sản phẩm gạch không nung ở những vùng không có nguyên liệu nung, tiến tới xóa bỏ việc sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công trước năm 2010.
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện công nghệ và ổn định sản xuất cho các cơ sở gạch tuynel hiện có.
- ✓ Đầu tư xây dựng thêm một số dây chuyền gạch tuynel quy mô nhỏ với công suất 7 hoặc 10 triệu viên/năm bằng thiết bị chế tạo trong nước.

Từ những thông tin trên cho thấy nhu cầu về vật liệu xây dựng nói chung, gạch ngói nói riêng từ nay đến năm 2020 là rất lớn, có thể nói với năng lực hiện tại của các Doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng là chưa đáp ứng đủ nhu cầu về vật liệu xây dựng.

Nắm bắt được nhu cầu về gạch ngói to lớn trong tương lai, Công ty không ngừng cải tạo kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường Tây Nam Bộ, từng bước đưa sản phẩm thâm nhập vào thị trường Campuchia.

8.2. Vị thế của Công ty trong ngành

Điểm mạnh KBT	Điểm yếu KBT
- Chủ động nguồn nguyên liệu đất sét, KBT có mỏ sét trên 50 ha. - Thương hiệu uy tín, lâu năm - Hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến. - Chất lượng cao cấp, mẫu mã đa dạng và áp dụng quy trình kiểm tra chất lượng chặt chẽ. Và sẽ tiến tới xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. - Khách hàng ổn định ở Tỉnh Kiên Giang và khu vực Tây Nam Bộ.	- Giá bán cao hơn so với các nhà máy gạch thủ công. - Bộ máy quản lý đang trong quá trình tổ chức sắp xếp lại theo hướng xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO nên còn gặp nhiều khó khăn và mới mẻ. - Hệ thống phân phối chưa phủ đầy và đều.
Cơ hội KBT	Thách thức KBT
- Nền kinh tế Việt Nam nhìn chung vẫn đang trên đà phát triển, ngành vật liệu cũng theo đó tăng nhu cầu tạo cơ hội cho Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ. - Quá trình phát triển các khu đô thị mới, quy hoạch lại các khu đô thị cũ tại các tỉnh Tây Nam Bộ sẽ cần đến một lượng lớn vật liệu xây dựng, đây là thị trường tiềm năng cho sự phát triển của Công ty.	- Hiện nay tại khu vực Tây Nam Bộ có hơn 80% là gạch thủ công được sản xuất với giá bán thấp hơn giá bán của Công ty. - Giá cả nguyên vật liệu đầu vào ngày càng tăng dẫn đến tăng chi phí giá thành, do đó nếu doanh nghiệp nào không thường xuyên đổi mới công nghệ sản xuất nhằm giảm giá thành sản xuất sản phẩm sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty.

Ngành sản xuất gạch ngói có tính cạnh tranh cao, sản phẩm tiêu thụ theo từng vùng nên các lò gạch được phân bố dàn trải khắp mọi miền đất nước từ Bắc đến Nam. Những nhà sản xuất gạch ngói có thể chia làm 2 loại là các lò gạch thủ công và các lò gạch theo công nghệ tuynel.

Những lò gạch thủ công chủ yếu sản xuất giản đơn, công nghệ lạc hậu. Lò nung được sử dụng là loại lò đứng, đốt từ dưới lên, các giai đoạn nung (sấy, trước khi nung, nung, làm nguội) diễn ra độc lập trong mỗi mẻ đốt khiến cho quá trình nung kéo dài, không tận dụng nhiệt thừa của khối thải và của gạch đã nung trong giai đoạn làm nguội khiến tiêu hao năng lượng lớn và ô nhiễm môi trường. Những lò gạch thủ công có qui mô nhỏ và hạn chế về vốn do vậy chỉ có thể sản xuất các loại gạch thô sơ như gạch xây 2 và 4 lỗ kích thước 7x17, 8x18 và một vài loại mẫu ngói khác. Nhân công của các lò thủ công chủ yếu là những lao động sẵn có trong gia đình (trẻ em, phụ nữ) hoặc được thuê mướn với giá rẻ, chất liệu đốt lò chủ yếu là than củi và các chất đốt tại chỗ nên giá thành sản phẩm gạch thủ công thấp dẫn đến giá bán gạch sản xuất theo lối thủ công có tính cạnh tranh cao (chỉ bằng $\frac{1}{2}$ so với giá sản phẩm sản xuất bằng lò tuynel), vì vậy các lò gạch thủ công vẫn thu hút được nhiều đối tượng khách hàng là các công trình dân dụng tư nhân, xây dựng giản đơn, kết cấu nhỏ, giá trị và yêu cầu kỹ thuật thấp. Trước năm 2003 sản phẩm gạch ngói tiêu thụ tại vùng Tây Nam Bộ chủ yếu được cung ứng từ các lò gạch thủ công, chiếm gần như 100% tổng sản lượng gạch ngói trên thị trường. Với xu hướng phát triển kinh tế đi đôi theo định hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, Chính phủ đã ra quyết định xóa bỏ các lò gạch thủ công ở các vùng ven đô thị, khuyến khích việc xây dựng lò nung Tuynel. Hiện tại, sản lượng cung ứng của các lò gạch thủ công trên thị trường Tây Nam Bộ còn khoảng 80 – 90%, tuy nhiên các lò gạch này vẫn giữ vai trò quan trọng trong ngành xây dựng, nhất là những công trình xây dựng có giá trị và yêu cầu kỹ thuật thấp.

Công nghệ sản xuất gạch ngói bằng lò tuynel là loại công nghệ hiện đại, có công suất lớn, ít tiêu hao năng lượng, thân thiện môi trường, sản phẩm có chất lượng cao và đòi hỏi đầu tư vốn lớn. Cả nước hiện nay có khoảng 140 lò với công suất mỗi lò từ 18 – 70 triệu viên. Tại vùng Tây Nam Bộ, hiện nay chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp sản xuất gạch ngói theo công nghệ lò Tuynel. KBT là một trong những Doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ sản xuất này và đã dần tạo được thương hiệu gạch Tuynel đối với khách hàng khu vực Tây Nam Bộ nói chung và Kiên Giang nói riêng. Gạch Tuynel Kiên Giang ngày càng được khách hàng ưa chuộng. Năng lực sản xuất của Công ty hiện nay tương đương với công suất sản xuất của các doanh nghiệp khác có cùng công nghệ sản xuất trong ngành và hiện đang cùng chia nhau chiếm lĩnh thị trường gạch ngói chất lượng cao ở các tỉnh Kiên Giang, An Giang và khu vực Miền Tây. Hiện thị phần nắm giữ của Công ty trong khu vực Tây Nam Bộ về các sản phẩm gạch ngói lò Tuynel là khoảng 5 - 10%.

Mặt khác, KBT sở hữu mỏ đất sét với diện tích 55 ha, thời gian thuê đất là 50 năm và được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đầu.

Ngoài ra, theo giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009, Công ty còn được hưởng nhiều ưu đãi đầu tư khác như:

- ✓ Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm, tính từ năm Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.
- ✓ Miễn thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, tính từ năm Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.
- ✓ Được miễn thuế thu nhập bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật thuế TNDN.
- ✓ Được miễn, giảm thuế khai thác tài nguyên theo quy định của Pháp lệnh Thuế Tài nguyên.

8.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

Mục tiêu phát triển của Công ty là **“tận dụng ưu thế về kinh nghiệm, công nghệ để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các công trình xây dựng”**.

Công ty xác định phương hướng chiến lược thực hiện tập trung vào:

a. Tuân thủ pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn luôn tuân thủ Pháp luật Việt Nam, bảo vệ môi trường và tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Kiên Giang và Việt Nam. Các cổ đông sáng lập của Công ty quyết tâm gắn bó lâu dài, đóng góp kinh nghiệm và uy tín để đưa Công ty phát triển ngày càng lớn mạnh.

b. Phát triển thị trường

Tận dụng lợi thế hiện có về kinh nghiệm sản xuất, công nghệ hiện đại, chất lượng sản phẩm cao, Công ty sẽ gia tăng thị phần tại vùng Tây Nam Bộ thông qua việc gia tăng đáp ứng nhu cầu về gạch ngói chất lượng cao đang ngày càng gia tăng. Đẩy mạnh phát triển mạng lưới Đại lý, mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng và hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh gạch ngói.

c. Đầu tư phù hợp

Tiến hành đầu tư mở rộng thêm nhà máy gần vùng nguyên liệu để sản xuất ra các loại sản phẩm gạch ngói chất lượng cao từ đất nung. Phát triển thêm những loại sản phẩm vật liệu xây dựng khác phù hợp với điều kiện tự nhiên và thực tế của Công ty. Phát triển Công ty từng bước vững chắc, luôn bảo đảm hoạt động với tình hình tài chính lành mạnh.

d. Phát triển nguồn nhân lực

Nhân tố con người chiếm phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công và phát triển của doanh nghiệp. Kế hoạch chiến lược nguồn nhân lực của Công ty sẽ tập trung vào:

- ✓ Tuyển chọn nhân viên có kinh nghiệm làm việc phù hợp với thực tế công việc và yêu cầu phát triển của Công ty.
- ✓ Đào tạo và huấn luyện cho đội ngũ công nhân nhằm nâng cao tay nghề sản xuất, cung cấp kiến thức về quản lý chất lượng, về ISO 9001:2008 và truyền đạt kinh nghiệm cho đội ngũ công nhân trẻ kế thừa.
- ✓ Khuyến khích và hỗ trợ cho cán bộ nhân viên Công ty nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- ✓ Xây dựng sự phối hợp tốt trong tác nghiệp giữa các bộ phận, thúc đẩy sáng tạo, tăng năng suất lao động.
- ✓ Bảo đảm và tăng cường phúc lợi tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến hết 31/12/2009 là 129 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ(%)
Phân theo đối tượng lao động	129	
Lao động trực tiếp	97	75,2
Lao động gián tiếp	32	24,8
Phân theo trình độ lao động	129	
Trình độ đại học	06	4,7
Trình độ trung cấp và cao đẳng	07	5,4
Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	24	18,6
Lao động phổ thông	92	71,3

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

Cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty hiện nay hầu hết là những người nhiệt huyết, có năng lực công tác tốt cả về chuyên môn cũng như quản lý và có kinh nghiệm làm việc, do đó công tác hoạch định chiến lược nhân sự quản lý kế cận đang được Công ty rất quan tâm. Do đặc thù của vị trí địa lý Kiên Giang tương đối xa trung tâm công nghiệp phát triển là Tp Hồ Chí Minh và ngành công nghiệp Kiên Giang chưa phát triển mạnh, do đó Công ty luôn rất nỗ lực để thu hút được một đội ngũ cán bộ nhân viên quản lý nhiệt tình, có trình độ kiến thức chuyên môn được đào tạo vững chắc, có kinh nghiệm. KBT đang thực hiện kế hoạch bổ sung thêm lao động về chất lượng, số lượng cho dự án cải tạo nâng công suất lên 40 triệu viên/năm vào đầu 2010 và bước tới mở rộng đầu tư mới để đạt công suất 60 triệu viên/năm.

KBT rất chú trọng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ nhân viên trong công ty. Thu nhập bình quân của người lao động ngày càng được cải thiện và đạt mức trung bình 2,5 triệu đồng/tháng. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách đối với người lao động theo Luật lao động.

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Văn phòng làm việc theo giờ hành chính và xưởng sản xuất của Công ty được tổ chức làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- ✓ Nộp BHXH cho 100% CBCNV.
- ✓ Nộp BHYT cho 100% CBCNV.
- ✓ Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- ✓ Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- ✓ Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- ✓ Tiền ăn giữa ca.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

b. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn xét chọn phù hợp.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau.

- ✓ Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- ✓ Đào tạo tại nơi làm việc: tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.
- ✓ Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: đối với lao động trực tiếp Công ty trả lương cho công nhân trực tiếp bằng hình thức lương tính theo sản phẩm. Đối với lao động gián tiếp Công ty xây dựng chính sách lương riêng tùy theo trình độ vị trí và chức vụ đảm nhận.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Công ty tổ chức bình bầu hàng quý để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng xét thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí. Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13.

Phúc lợi: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào Văn - Thể - Mỹ.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 06 tháng.

Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần hóa ngày 01/04/2008, Công ty đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, năm 2009, theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên

Công ty đã tiến hành chi cổ tức năm 2008 cho cổ đông với tỷ lệ 11,25%/mệnh giá và năm 2010, theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên, Công ty cũng đã chi trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông là 20%/mệnh giá và Công ty sẽ cố gắng duy trì tỷ lệ cổ tức 15%/năm trở lên và ổn định trong các năm tới.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hằng năm.

Năm đầu hoạt động, niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2008 đến 31 tháng 12 năm 2008.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc và thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 – 06

11.2 Thu nhập bình quân của người lao động

Năm 2009 thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động là 2,5 triệu đồng, là mức trung bình so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào. Các khoản nợ đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Chỉ tiêu	2008 (triệu đồng)		31/12/2009 (triệu đồng)	Quý I/2010 (triệu đồng)
	31/03/2008	31/12/2008		
Vay và Nợ ngắn hạn	3.000	2.000	1.299	2.809
Nợ dài hạn	1.948	1.948	-	-
Tổng cộng	4.948	3.948	1.299	2.809

Nguồn: BCTC QI/2008, QI/2010, BCTC kiểm toán từ 01/04 – 31/12/2008, 2009, BCTC QI/2010

Chi tiết các hợp đồng vay nợ tại 31/03/2010:*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số hợp đồng vay	Loại vay	Mục đích vay	Lãi suất hằng năm	Ngày vay	Số dư nợ đến 31/03/2010
01/2003/HĐ	Ngắn hạn	Xây dựng nhà máy gạch Tuynel Kiên Giang.	Bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm của BIDV kỳ hạn 12 tháng đang có hiệu lực vào thời điểm đầu mỗi năm cộng với 2%/năm.	12/05/2003	948
09790029	Ngắn hạn	Sản xuất kinh doanh	Bằng lãi suất cơ sở 7,9%/năm cộng với biên độ (tối đa không quá 4,5%/năm).		351
09790059/HĐTD	Ngắn hạn	Sản xuất kinh doanh	Bằng lãi suất huy động vốn thực tế có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau được niêm yết tại Ngân hàng công thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang vào ngày xác định lại lãi suất (tối đa không quá 4,5%/năm).	9/11/2009	1.510
Tổng					2.809

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, BCTC Quý I/2010***11.4 Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

11.5 Trích lập các quỹ

Công ty tiến hành trích lập các quỹ đúng theo Điều lệ quy định. Theo điều lệ, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự phòng tài chính trước khi chi trả cổ tức hàng năm cho cổ đông. Mức trích quỹ dự phòng bằng 5% lãi sau thuế hàng năm. Việc trích quỹ dự phòng tài chính được thực hiện cho đến khi quỹ dự phòng bằng với 10% vốn điều lệ. Việc trích lập các quỹ khác do Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm quyết định.

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2008	Số dư tại ngày 31/12/2009	Số dư tại ngày 31/03/2010
Quỹ dự phòng tài chính	203.329.169	493.183.094	493.183.094
Quỹ phát triển sản xuất	-	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	379.361.797	702.600.531	350.339.377

*Nguồn: BCTC kiểm toán từ 01/04/2008 – 31/12/2008, BCTC kiểm toán năm 2009, BCTC Quý I/2010***11.6 Tổng các khoản phải thu quá hạn**

Công ty không có các khoản phải thu quá hạn hoặc không có khả năng thu hồi.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2008		31/12/2009	QI/2010
	31/03/2008	31/12/2008		
1. Các khoản phải thu ngắn hạn				
1.1. Phải thu của khách hàng	1.131	2.799	4.393	4.531
1.2. Trả trước người bán	139	100	57	863
1.3. Các khoản phải thu khác	-	6	7	38
1.4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(34)	(240)	(240)
2. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
Tổng cộng các khoản phải thu	1.270	2.871	4.218	5.192

Nguồn: BCTC Quý I/2008, BCTC QI/2010, BCTC kiểm toán từ 01/04 – 31/12/2008, 2009

Trong năm 2009, doanh thu của Công ty tăng mạnh so với năm 2008, vì vậy khoản mục Phải thu khách hàng cũng tăng khá mạnh. Mặt khác, do đặc thù ngành nghề và Công ty muốn mở rộng thị phần nên cho khách hàng trả gởi đầu tiên hàng. Các khoản này dự tính sẽ được thu hồi trong Quý I năm 2010.

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

Tên khách hàng	Khoản trích dự phòng
Cty ĐTXD KG (Thái Đình Dương Thành)	59.027.250
Cty ĐTXD KG (Mạc Xuân Hoàng)	52.252.875
Cty ĐTXD KG (Trần Văn Chín)	31.800.000
Cty ĐTXD KG (Quách Quốc Việt)	28.423.500
Nguyễn Văn út	14.451.000
Cty ĐTXD KG (Phan Thanh Hùng)	7.540.125
Cty ĐTXD KG (Dương Văn Đức)	6.363.750
Nguyễn Văn Hùng	5.906.250
Phan Văn Thuần	5.553.750
Cty TNHH Xây Dựng Lộc Vân	5.437.500
Lê Văn Tòng	4.556.250
Bùi Hồng Cẩm	2.700.000
CH VLXD Xuân Vũ	2.505.000
Anh Xuân	1.605.000
CH VLXD Việt Tiến	795.000
Mai Thanh Hải	3.870.000
DNTN Đông Phong	2.883.375
Cty ĐTXD KG (Dương Ngọc Thịnh)	2.689.500

Cty ĐTXD KG (Phạm Khắc Hiếu)	1.374.600
Cty CP Tư vấn Xây dựng KG (Công Toàn)	393.750
Đinh Chiến Thắng	360.000
DNTN Hữu Khang	105.000
Cty ĐTXD KG (Nguyễn Trọng Đức)	81.743
Tổng	240.675.218

Các khoản phải thu khó đòi trên chủ yếu do các đội xây dựng của Công ty Đầu Tư – Xây Dựng Kiên Giang mua gạch thực hiện thi công các công trình bất động sản. Công ty đang tìm biện pháp để thu hồi các khoản công nợ trên.

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009	QI/2010
	31/03/2008	31/12/2008		
Nợ ngắn hạn	10.612	8.588	10.075	9.085
Vay và nợ ngắn hạn	3.000	2.000	1.299	2.809
Phải trả cho người bán	519	376	1.041	795
Người mua trả tiền trước	404	37	18	306
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	0	120	78	100
Phải trả công nhân viên	196	574	716	282
Chi phí phải trả	17	0	0	30
Phải trả nội bộ	0	0	0	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.476	5.478	6.922	5.732
Nợ dài hạn	1.948	1.948	0	0
Vay và nợ dài hạn	1.948	1.948	0	0
Tổng cộng	12.560	10.536	10.075	10.057

Nguồn: BCTC Quý I/2008, BCTC QI/2010, BCTC kiểm toán từ 01/04 – 31/12/2008, 2009

Trong giai đoạn trước cổ phần hóa năm 2008, Công ty Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang (trong thời gian đó là Công ty mẹ của KBT), đã thanh toán hộ KBT các khoản chi phí phát sinh phục vụ cổ phần hóa cũng như các chi phí nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí xây dựng cơ bản... và một phần cổ tức của Công ty Đầu tư và Xây Dựng Kiên Giang các năm 2008, 2009 mà Công ty tạm thời giữ lại. Hiện tại, KBT đang treo các chi phí này tại khoản mục Các khoản phải trả, phải nộp khác trên Bảng cân đối kế toán 2007 – 2008 - 2009, vì vậy khoản phải trả, phải nộp khác Năm 2007, 2008, 2009 là khá lớn.

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/03/2010:

Tên đối tượng	Số dư
Tài sản thừa chờ giải quyết	0
Kinh phí công đoàn	23.444.871
Bảo hiểm xã hội	31.760.253
Bảo hiểm y tế	17.347.133
Phải trả về cổ phần hóa	4.268.491.871
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0
Doanh thu chưa thực hiện	0
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.419.558.490
Bảo hiểm thất nghiệp	3.975.956
Tổng cộng	5.701.058.068

*Nguồn: KBT***11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,03	1,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,46	0,74
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,30	0,28
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,43	0,39
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Lần	1,8	3,48
Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,49	0,7
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	28	25,33
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,6	25,30
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,6	17,78
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	28,8	24,95

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát**12.1. Hội đồng quản trị****a. Ông Lư Văn Còn - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: LƯ VĂN CÒN; Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1957; Quê quán: An Bình - Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Căn số 6, lô 11 khu Hoa Biển, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1980-1990: Quản lý tài chính tại Sở Tài Chính KG;
 - ✓ 1990-2006: P.Giám đốc Sở Tài chính Kiên Giang;
 - ✓ 2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư -Xây dựng Kiên Giang
 - ✓ Từ 01/04/2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang.
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ đang nắm giữ tại cơ quan khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư - Xây dựng Kiên Giang
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 700.788 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện phần vốn cho Công ty Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang: 700.788 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:
 - ✓ Phạm Thị Yến Vân (vợ): 11.000 cổ phần
 - ✓ Lư Thị Hồng Hạnh (Con ruột): 15.000 cổ phần

b. Ông Lâm Duy Khánh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

- Họ và tên: LÂM DUY KHÁNH; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1959; Quê quán: Rạch Giá – Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 39 Lạc Long Quân RG - KG
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Sơ cấp quản lý kinh tế xây dựng cơ bản
- Quá trình công tác:

- ✓ 1975 – 1979 : XN cấp thoát nước RG – KG;
- ✓ 1979 – 1983 : Tham gia quân đội tại Hậu cần Tỉnh đội KG;
- ✓ 1983 – 1989 : Công ty Vật liệu xây dựng Kiên Giang;
- ✓ 1990 – 1994 : Xí Nghiệp Xi Măng Kiên Giang;
- ✓ 1994 – 2004 : Cty Xi Măng Hà Tiên KG;
- ✓ 2004 – 30/03/2008 :Giám đốc XN Gạch Tuynel KG
- ✓ 01/04/2008 đến nay: Giám đốc Cty CP Gạch Ngói Kiên Giang kiêm thành viên HĐQT KBT
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc Cty CP Gạch Ngói Kiên Giang kiêm thành viên HĐQT KBT
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 152.175 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 5.300 cổ phần
 - ✓ Đại diện phần vốn cho Công ty Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang: 146.875 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:
 - ✓ Lâm Quý Định (con ruột): 100 cổ phần.
 - ✓ Lâm Anh Dũng (em ruột): 200 cổ phần

c. Ông Lê Quang Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: LÊ QUANG TUẤN; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/09/1970; Quê quán: Ninh Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 146F14 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, Q.2, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ 09/1988 - 7/1992 : Sinh viên khoa Kế Tài Ngân trường Đại học Kinh tế TP.HCM
 - ✓ 10/1992 - 6/2001: Trưởng phòng nghiệp vụ, Công ty kiểm toán AFC – Sài Gòn;
 - ✓ 7/2001 – 10/2006 : Phó giám đốc, Công ty kiểm toán DTL;
 - ✓ 12/2006 – nay : Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinaceglass.
 - ✓ Từ 2008 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị KBT
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị KBT
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinaceglass.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 15.000 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 150.000 cổ phần
 - ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

d. Ông Nguyễn Hữu Khai - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN HỮU KHAI; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1956; Quê quán: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô B13 số 53 đường Nguyễn quốc Bích Tp Rạch Giá KG
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1976-1979 Giáo viên,
 - ✓ 1980 -1983 Cán bộ Tỉnh Đoàn Kiên Giang,
 - ✓ 1984-2001 Giám Đốc Nhà thiếu Nhi tỉnh Kiên Giang,
 - ✓ 2001-2006 Giám Đốc Công ty Du Lịch Kiên Giang,
 - ✓ 2007-2009 Giám Đốc Kinh doanh Vinaceglass.
 - ✓ Từ 2008 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Miền Trung
 - ✓ Từ 01 - 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị KBT
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị KBT
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Miền Trung
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 5.000 cổ phần
 - ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

e. Ông Nguyễn Văn Út - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN ÚT; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1968; Quê quán: Hậu Giang

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 70 F9 Đường 3/2 ; phường Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1995 đến 2001: Nhân viên Sở Tài Chính Kiên Giang
 - ✓ Từ 2001 đến 2004: Kế toán trưởng CTCP Xi Măng Kiên Giang
 - ✓ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Đầu tư và xây dựng Kiên Giang
 - ✓ Từ 01 - 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị KBT
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị KBT
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Kế toán trưởng Công ty Đầu tư và xây dựng Kiên Giang
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 116.798 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện phần vốn cho Công ty Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang: 116.798 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

12.2. Ban kiểm soát

a. Ông Nguyễn Tùng Dương - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN TÙNG DƯƠNG; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 1979; Quê quán: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai
- Trình độ văn hoá: 12/12;
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác: .
 - ✓ 2001-2005: Công ty kiểm toán DTL;
 - ✓ 2005-2006: Công ty kiểm toán S&S;
 - ✓ 2006-2007: Công ty CP sành sứ Thủy Tinh Việt Nam;
 - ✓ 2008 đến nay: Công ty CP Gò Vấp
 - ✓ Từ 01/04/2008 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang

- Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Phó giám đốc Công ty CP Gò Đàng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần

Trong đó:

- ✓ Cá nhân : 5.000 cổ phần
- ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

b. Ông Nguyễn Chí Nghĩa - Thành viên Ban kiểm soát:

- Họ và tên: NGUYỄN CHÍ NGHĨA; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 1980; Quê quán: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 42 Ngõ Gia Tự, KP3, P.An Hòa, TP.RG, Kiên Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế khoa Tài chính – Tề toán
- Quá trình công tác:
 - ✓ 2001-2004: Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang;
 - ✓ 2004-2006: Công ty CP Ngô Quyền;
 - ✓ 2006-2007: Công ty Phương Nam;
 - ✓ 2007-2008 : Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh KG;
 - ✓ Đầu 2009 đến nay: Công ty TNHH Kiên Hùng I
 - ✓ Từ 2008 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Trưởng trạm TP. HCM Công ty TNHH Kiên Hùng I
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 22.000 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 22.000 cổ phần
 - ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

c. Ông Trần Thanh Nguyên - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: TRẦN THANH NGUYỄN; Giới tính: nam

- Ngày tháng năm sinh: 1975; Quê quán: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 42 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Quang TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12;
- Trình độ chuyên môn: Cao Đẳng Điện Công Nghiệp
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1998-2000: Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang;
 - ✓ 2000-2003: Công ty Cấp Thoát Nước & Vệ Sinh Môi Trường Kiên Giang;
 - ✓ 2004 đến 2008: Phó Quản đốc Phân xưởng sản xuất XN Gạch Tuynel Kiên Giang.
 - ✓ Từ năm 01/04/2008 đến nay: phó Quản đốc Phân xưởng sản xuất CTCP Gạch Ngói Kiên Giang.
 - ✓ Từ 05/2009 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 300 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 300 Cổ phần
 - ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

12.3. Ban Giám đốc

a. Ông Lâm Duy Khánh – Giám đốc (kiêm thành viên HĐQT): xem ở trên

b. Ông Phạm Văn Hải - Phó Giám đốc Công ty

- Họ và tên: PHẠM VĂN HẢI; Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1972; Quê quán: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thạnh Trị - Tân Hiệp - Kiên Giang.
- Địa chỉ thường trú: Ấp Hòn Chong – Bình An – Kiên Lương – Kiên Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Silicat
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1994 – 2004 : Cty CP Xi Măng Hà Tiên KG;

- ✓ 2005 – 03/2008: Quản đốc phân xưởng XN Gạch Tuynel Kiên Giang.
- ✓ Từ 04/2008 – 07/2009: Quản đốc phân xưởng Công Ty CP Gạch Ngói Kiên Giang.
- ✓ Từ 07/2009 đến nay: Phó Giám đốc Cty CP Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 0 cổ phần
 - ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:
 - ✓ Phạm văn Phú (em ruột): 3.800 Cổ phần

12.4. Kế toán trưởng

Ông Trịnh Hoàng Lâm - Kế Toán Trưởng Công ty

- Họ và tên: TRỊNH HOÀNG LÂM Giới tính: nam
- Ngày tháng năm sinh: 1973 Quê quán: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Châu Thành - Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Hòa Thuận – Vĩnh Hòa Hiệp - Châu Thành – Kiên Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Đại Học Tài Chính – Kế Toán
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1997 – 2004 : Cty CP Xi Măng Hà Tiên KIÊN GIANG;
 - ✓ 2006 – 31/03/2008: XN Gạch Tuynel KG
 - ✓ 01/04/2008 đến nay: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TC – TC KBT
- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TC – TC KBT
- Chức vụ nắm giữ tại cơ quan khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 10.100 cổ phần
- Trong đó:
 - ✓ Cá nhân : 10.100 cổ phần
 - ✓ Được ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 CP

13. Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2009**13.1 Đất đai, nhà xưởng****Diện tích đất đai và nhà xưởng Công ty**

Stt	Tên cơ sở	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng(theo HĐ)	
				Số năm	Từ năm
01	Trụ sở làm việc và khu nhà xưởng	52.000	Tổ 4-KP Xà ngách-TT Kiên lương-huyện Kiên lương-KG	50	2003
02	Mỏ sét + Bãi chứa	637.429	Tổ 4-KP Xà ngách-TT Kiên lương-huyện Kiên lương-KG	50	2003
	Tổng cộng	689.429			

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

Tình hình sử dụng đất đai của Công ty: căn cứ theo Hợp đồng thuê đất với các thông tin như sau:

- ✓ Diện tích đất thuê : 689.429 m².
- ✓ Thời gian bắt đầu : 14/01/2003.
- ✓ Thời hạn thuê : 50 năm.
- ✓ Tổng giá trị thuê đất trước thuế : 3.778.500đ/01năm
- ✓ Đã kết chuyển chi phí : Theo giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 ngày 12/02/2009, Công ty hiện đang được miễn tiền thuê đất 11 năm, theo quy định tại Nghị Định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005.

13.2 Các mỏ nguyên liệu

Tổng diện tích các mỏ nguyên liệu và bãi chứa là 637.429m² trong đó đã đền bù: 637.429m², chi tiết như sau:

Mỏ đất sét

- ✓ Địa điểm: Tổ 4-KP Xà ngách-TT Kiên lương-huyện Kiên lương-KG
- ✓ Diện tích: 637.429m², đã đền bù 637.429m²
- ✓ Trữ lượng: 2.962.545 met khối (Theo giấy phép khai thác khoáng sản số: 1297/GP-UBNN, ngày 11 tháng 08 năm 2006 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang)
- ✓ Chất lượng sét:
 - + Thành phẩm khoáng: Chủ yếu là Cao linit
 - + Thành phần hóa học trung tính

Chỉ tiêu	SiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	MgCO ₃ CaCO ₃	MKN
Thành phần (%)	62,97	17,5	6,18	1,67	7,5

+ Khả năng ứng dụng: Sản xuất Gạch, Ngói

13.3 Tài sản cố định của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2010*ĐVT: triệu đồng*

Stt	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ Hữu hình	25.498	6.826	18.672
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15.817	3.555	12.262
2	Máy móc thiết bị	7.092	2.169	4.923
3	Phương tiện vận tải	2.483	1.063	1.420
4	Dụng cụ, TB quản lý	96	38	68
4	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ Vô hình	6.213	731	5.482
	Tổng cộng	31.711	7.557	14.154

Nguồn: BCTC năm 2009 của KBT

Theo Quyết định phê duyệt cổ phần hóa của Công ty số 2297/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 và Biên bản bàn giao vốn của Công ty ngày 24/05/2008 thì Công ty có nguồn tài sản cố định vô hình là 6,213 tỷ đồng, chi tiết:

Stt	Tên TSCĐ	Nguyên giá
1	Đền bù giải tỏa mặt bằng	907
2	Lập thủ tục xin cấp giấy phép khai thác	242
3	San lấp mặt bằng	1.064
4	Lợi thế khai thác mỏ sét	4.000
	TSCĐ Vô hình	6.213

*Nguồn: KBT***14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong giai đoạn 2009-2012**

Định hướng phát triển của Công ty trong năm 2009 và cho đến năm 2012 là sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô dây chuyền sản xuất, nâng công suất thiết kế lên 60 triệu viên gạch/năm. Đẩy mạnh chiếm lĩnh thị trường gạch ngói miền Tây Nam Bộ, từng bước phát triển thương hiệu gạch tuynel Kiên Giang ngày càng vững mạnh.

 **Kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong giai đoạn 2010 – 2012:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	Tăng trưởng so với năm trước	Giá trị	Tăng trưởng so với năm trước	Giá trị	Tăng trưởng so với năm trước
Vốn Điều lệ	Triệu đồng	23.359	0	30.000	24,48%	30.000	0
Doanh thu thuần	Triệu đồng	26.183	31,72%	30.110	15%	30.110	0
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.003	63,79%	6.903	15%	6.903	0
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.003	63,79%	6.903	15%	6.558	-5%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	22,92	35,29%	22,92		21,78	-5%
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu	%	19,00	63,82%	21,00	10,5%	21,00	0
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	19,66	0	18	-8,44%	18	0

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

Căn cứ để thực hiện được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

* Dự báo về tốc độ phát triển kinh tế Việt Nam

Trong năm 2009 mặc dù kinh tế Việt nam còn gặp nhiều khó khăn do những ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới cũng như những khó khăn của nền kinh tế trong nước, tuy nhiên Việt nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP là 5,23% vượt kế hoạch đề ra. Năm 2010 Chính phủ đặt kế hoạch GDP đạt 6,5%, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 6% và kim chế lạm phát ở mức thấp 7%.

Theo dự báo kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 5 năm tiếp theo vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định nhờ chính nội lực của mình và các luồng vốn đầu tư không ngừng gia tăng từ bên ngoài vào Việt Nam. Nhờ nền kinh tế vĩ mô phát triển bền vững, giá trị tổng sản phẩm quốc nội tăng cao, Chính phủ chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, thực hiện các chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, đây là cơ hội cho tất cả các doanh nghiệp nói chung trong đó có KBT. Tuy nhiên, những năm tiếp theo nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro, đến từ trong và ngoài nước, do đó, đòi hỏi Việt Nam phải có chính sách phát triển bền vững, sự chỉ đạo đúng hướng của Chính phủ trước những thách thức của thị trường.

Mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do tác động từ giá dầu tăng, cũng như hàng loạt biến động từ thị trường thế giới làm cho tốc độ tăng trưởng suy giảm, song nhận định về trung và dài hạn, nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá và ổn định.

* Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua

Năm 2009 là năm thứ hai Công ty hoạt động theo mô hình cổ phần hóa. Trong hai năm qua, Công ty đã nỗ lực tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và rút ngắn kỳ thu

tiền bình quân nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động của mình, từ đó đã nâng hiệu quả sử dụng vốn.

Cả năm 2009 Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu của cả năm tăng cao đạt hơn 25 tỷ đồng, tăng 48,58% so với năm 2008, lợi nhuận trước thuế tăng cao so với năm 2008, tăng 28,18%.

** Định hướng trong hoạt động kinh doanh của Công ty các năm tới*

- **Mục tiêu hoạt động:** Công ty chủ trương coi trọng sự phát triển bền vững, với phương châm lấy chất lượng dịch vụ là ưu tiên hàng đầu, vì lợi ích của cả khách hàng và của cả doanh nghiệp.
- **Mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:** Các mục tiêu của Công ty được lập dựa trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm trước, và triển vọng phát triển của Công ty những năm tiếp theo.
- **Mục tiêu khác:** Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí, tổ chức hợp lý công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý, mở rộng quy mô nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Tạo mối quan hệ bền vững với khách hàng, đưa ra các chính sách khuyến mãi bằng chiết khấu thanh toán hoặc chiết khấu thương mại. Đưa ra các chính sách khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí giá thành. Áp dụng thưởng phạt trong tỷ lệ phế phẩm bề vữa. Đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất cho kỳ kế hoạch ...

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của các năm 2009-2012 được Công ty xây dựng trên cơ sở dữ liệu khá thận trọng.

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam cho rằng, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của KBT dự kiến trong giai đoạn 2010-2012 là đạt được nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.

Chúng tôi lưu ý rằng những đánh giá trên chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn tuyệt đối của những số liệu được dự báo.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Gạch Ngói Kiên Giang (KBT)

2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 2.335.961 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

- ✓ Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập: Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.136.461 cổ phiếu.

Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (01 tháng 04 năm 2008), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Hạn chế chuyển nhượng này sẽ hết hiệu lực sau ngày (01 tháng 04 năm 2011). Danh sách cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phần được nêu ở mục 4.2 Bản cáo bạch này.

- ✓ Hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng của KBT: 100% số cổ phần do thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng công ty nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết là 197.700 cổ phần và 50% số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo, tương ứng 98.850 cổ phần.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng

Họ & Tên	Chức vụ	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (cổ phần)	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết (cổ phần)	
			6 tháng	01 năm
Lư Văn Còn	CĐSL, Chủ tịch HĐQT	-	-	-
Lâm Duy Khánh	CĐSL, TVHĐQT kiêm Giám đốc	5.300	5.300	2.650
Lê Quang Tuấn	CĐSL, TVHĐQT	150.000	150.000	75.000
Nguyễn Hữu Khai	TVHĐQT	5.000	5.000	2.500
Nguyễn Văn Út	CĐSL, TVHĐQT	-	-	-
Nguyễn Tùng Dương	Trưởng BKS	5.000	5.000	2.500
Nguyễn Chí Nghĩa	CĐSL, TVBKS	22.000	22.000	11.000
Trần Thanh Nguyên	TVBKS	300	300	150
Trịnh Hoàng Lâm	Kế toán trưởng	10.100	10.100	5.050
TỔNG		197.700	197.700	98.850

Nguồn: CTCP Gạch Ngói Kiên Giang

6. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- ✓ Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2008:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại 31/12/2008} = \frac{24.770.945.101 - 379.361.797}{2.335.961} = 10.442 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- ✓ Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2009:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại 31/12/2009} = \frac{26.194.680.827 - 702.600.531}{2.335.961} = 10.913 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- ✓ Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/03/2010:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại 31/03/2010} = \frac{27.005.631.370 - 350.339.377}{2.335.961} = 11.411 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy

định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

Hiện tại tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nước ngoài tại Công ty là 0%

8. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 ngày 12/02/2009, công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty hoạt động và kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế TNDN phải nộp.

Đối với các thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi thuế như trên, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên các thu nhập này là theo quy định của pháp luật (hiện tại là 25%).

Thuế giá trị gia tăng: Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam - CN. HCM

Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại : (08) 3915.2930; Fax : (08) 3915.2932.

2. Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A

Địa chỉ: Số 08, Đường C1 (Cộng Hoà), P.13, Quận Tân Bình, TP. HCM.

Điện thoại: (08) 6297.4639; Fax: (08) 6297.4659.

VII. PHỤ LỤC:

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III : BCTC Quý I năm 2008, BCTC kiểm toán từ ngày 01/04/2008 đến 31/12/2008 và năm 2009, BCTC kiểm toán năm 2009 và BCTC Công ty Quý 1/2010
4. Phụ lục IV : NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2009 thông qua việc niêm yết cổ phiếu.
5. Phụ lục V : Quy trình nội bộ về công bố thông tin
6. Phụ lục VI : Quy chế quản trị Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Kiên Giang, ngày tháng năm 2010.

Giám Đốc

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Lâm Duy Khánh

Lư Văn Còn

Trưởng Ban Kiểm Soát

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Tùng Dương

Trịnh Hoàng Lâm

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

VIỆT NAM TẠI TP. HCM

Giám Đốc

VÕ THIÊN CHƯƠNG